

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2019

I/ Thông tin chung:

1/ Thông tin khái quát

- +/ Tên Công ty: Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô -VINACOMIN
- +/ Tên giao dịch quốc tế: VINACOMIN-MOTOR INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY
- +/ Tên viết tắt : VMIC
- +/ Mã chứng khoán : VMA

Logo



+/ Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh: số 5700353722 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần 6 ngày 03 tháng 5 năm 2019.

+/ Địa chỉ:

- + Trụ sở chính: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh
- + Điện thoại : (84.33) 3865 286 Fax: (84.33) 3862 398
- + Website : www.vmicauto.vn Email : vmicauto@yahoo.com.vn
- + Vốn điều lệ : 27.000.000.000 (Hai mươi bảy tỷ) đồng

2. Quá trình hình thành phát triển

- Việc thành lập: Công ty thành lập ngày 01 tháng 08 năm 1960
- Chuyển đổi sở hữu: Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần ngày 22 tháng 01 năm 2008.
- Niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UPCOM

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất, lắp ráp xe ô tô vận tải, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô du lịch.
- + Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô các loại, xe máy thi công, thiết bị mỏ, thiết bị năng lượng, thiết bị khoáng sản.
- + Chế tạo thiết bị, chế tạo, phục hồi vật tư phụ tùng.
- + Sản xuất các loại sản phẩm kết cấu cơ khí.
- + Chế tạo, sửa chữa các thiết bị sàng tuyển.
- + Xây lắp các công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp.
- + Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.
- + Dịch vụ tư vấn kỹ thuật chuyên ngành ô tô.

- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu trên tỉnh Quảng Ninh và các cả nước (khi có yêu cầu của khách hàng)

4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị :

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
+ Ban Giám đốc điều hành: 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, an toàn, kỹ thuật, đời sống; 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh kinh tế ; 01 Kế toán trưởng.

+ Các phân xưởng, phòng ban: 05 phòng; 04 phân xưởng, 01 chi nhánh

*** Các phòng ban Công ty:**

- | | |
|---|---|
| 1- Phòng Tổ chức hành chính và Y tế
(viết tắt: TC-HC) | 4- Phòng Kế toán - Tài chính
(viết tắt: KT-TC) |
| 2- Phòng Kế hoạch Vật tư (viết tắt: KH-VT) | 5- Phòng Cơ điện – An toàn
(viết tắt: CD-AT) |
| 3- Phòng Kỹ thuật công nghệ
(viết tắt: KT-CN) | |

*** Các Phân xưởng:**

- | | |
|--|----------------------------------|
| 1- Phân xưởng Sửa chữa Ô tô và động cơ | 4- Phân xưởng Kết cấu |
| 2- Phân xưởng Cơ khí | 5- Phân xưởng Cơ điện và phục vụ |
- Công ty có 01 chi nhánh tại Hà Nội (không có công ty con)
- Thay đổi Năm 2019: Sáp nhập phân xưởng sửa chữa động cơ vào Phân xưởng Sửa chữa ô tô đổi tên thành Phân xưởng Sửa chữa Ô tô và động cơ

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- + Sửa chữa các loại xe tải nặng HD, CAT, VOLVO, HM, SCANIA, BELAZ...(55 đến >100 tấn);
- + Chế tạo, phục hồi các sản phẩm thiết bị phục vụ khai thác mỏ (khai thác Hàm lò và lộ thiên) ;
- + Lắp ráp các loại xe ô tô tải nặng, sản xuất chế tạo các loại xe chuyên dùng: Téc dầu, téc nước, thùng kín, thùng hở, xe cầu,
- + Liên doanh Chế tạo các sản phẩm, hệ thống vận tải phục vụ trong khai thác hầm lò, lộ thiên (mônôray, ống thủy lực mềm, barie, dàn chống siêu nhẹ, toa xe ...)
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: ~~Chiến lược phát triển của Công ty chủ yếu vẫn tập trung~~ vào việc sửa chữa xe tải nặng đại xa siêu trường siêu trọng, các loại xe trung xa, chế tạo và phục hồi các sản phẩm cơ khí phục vụ cho các công ty khai thác Mỏ.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới phục vụ cơ giới hóa đường lò, tự động hóa, tin học hóa cho khai thác Hàm lò nhằm mục tiêu tăng năng suất, đảm bảo chất lượng và giá cạnh tranh, nâng cao hiệu quả.
- Trong hoạt động thực hiện công tác môi trường được chú trọng theo quy định; Công tác xã hội và cộng đồng: Thường xuyên quan tâm tham gia đóng góp đầy đủ theo điều kiện của công ty phối hợp hỗ trợ lẫn nhau hài hoà giữa doanh nghiệp với địa phương.

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD

SXKD của Công ty năm 2019 hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đồng cổ đông công ty giao, Trong năm được sự hỗ trợ của Tập đoàn TKV, sự cố gắng nỗ lực đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra; Cụ thể:

- + Sản xuất đảm bảo an toàn;
- + Việc làm, thu nhập, đời sống cho người lao động được ổn định;
- + SXKD đảm bảo hiệu quả; Các chỉ tiêu về Doanh thu, Lợi nhuận và Tiền lương của người lao động đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch được giao.
- + Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp.
- + Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.
- Hàng tháng, quý Hội đồng quản trị Công ty đã sâu sát chỉ đạo kịp thời, sự chủ động nhanh nhạy của bộ máy điều hành, với những cố gắng khắc phục khó khăn của tập thể CBCNV, trong năm Công ty đã phân đấu thực hiện nhiệm vụ với những kết quả như sau:

*** Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2019	KHĐC Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ TH/KHĐC (%)
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7=6/5x100</u>
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	293 000	345 000	404.472	117
2	Tiền lương B/Q	1000đ/ng-th	8.339	10.213	11.323	111
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	5 250	5 300	5.538	104
4	Lao động bình quân	Người	372	368	368	100

- Trong năm các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập tiền lương bình quân của người lao động Công ty đều đạt và vượt kế hoạch năm, cổ tức 10% (KH8%)

2. Tổ chức và nhân sự

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Công ty có 01 Chi nhánh, 04 phân xưởng và 05 phòng .

+ Tóm tắt lý lịch Ban điều hành (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)

*** Giám đốc Công ty:**

- + Họ tên: Phạm Xuân Phi
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 04/ 6/ 1969
- + Quốc tịch: Việt Nam.
- + Dân tộc: Kinh.
- + Quê quán: Nam Định
- + Trú quán: Phường hồng Hà, TP Hạ Long
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí ô tô, Kỹ sư điện
- Trình độ chính trị: Cao cấp.
- + Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomim.
- + Số cổ phần đang nắm giữ:
 - Trong đó : Sở hữu cá nhân: 13.334 cổ phần
 - Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 972.227 cổ phần.

+ Phó giám đốc: Lê Thanh Sơn

- Sinh ngày 15/10/1963 Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thụy xuân, Thái Thụy, Thái bình
- Trú quán: Cẩm trung, Cẩm phá, Quảng ninh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ô tô
- Trình độ chính trị: Cao cấp.
- Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.295 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không cổ phần.

+ Phó giám đốc: **Đỗ Hải Hùng**

Sinh ngày 15/8/1974 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Xã Lý Thường Kiệt, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Tổ 9, khu Bạch Đằng, Phường Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ô tô

Trình độ chính trị: Cao cấp

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.842 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

+ Kế toán trưởng: **Nguyễn Thị Hồng Thịnh**

Sinh ngày 14/12/1979 Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

Trú quán: Tổ 6, khu 6, Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Trình độ chính trị: Cao cấp

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1619 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không

*/ Những thay đổi chủ yếu trong năm 2019: Không

* HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, gồm các Ông:

1. Ông Phạm Xuân Phi Chủ tịch HĐQT
2. Ông Hà Minh Thanh Ủy viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Anh Tuấn Ủy viên HĐQT, Đại diện Công ty Kamaz.
4. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch Ủy viên HĐQT, Đại diện Công ty Kamaz;
5. Ông Trần Văn Trung Ủy viên HĐQT – Công ty CP Tân đại tây dương (AIT)

* Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023, gồm các Ông:

1. Bà Bùi Thị Lan Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Hồ Anh Tuấn Ủy viên Ban kiểm soát
3. Ông Trần Thiết Hùng Ủy viên Ban kiểm soát

*/ Số lượng cán bộ nhân viên (thời điểm 31/12/2019): 330 Người lao động chính thức (không tính LĐ hợp đồng mùa vụ, công việc, tập nghề)

3/ Tình hình thực hiện đầu tư năm 2019

3.1. Công tác Đầu tư XDCB năm 2019

- Kế hoạch số: 6832/TKV-ĐT ngày 26/12/2018 về đầu tư XDCB năm 2019 do TKV phê duyệt của Công ty là: 31.494 triệu đồng; trong đó: Kế hoạch 2019 là: 9.409 triệu đồng; Công trình chuyển tiếp 2018 là: 8.830 triệu đồng và công trình khởi công mới là 579 triệu đồng; Dự phòng là: 22.085 triệu đồng;

- Kế hoạch điều chỉnh: số 5305/TKV-ĐT ngày 22/10/2019: Tổng mức đầu tư là: 5.448 triệu đồng.

- Kế hoạch năm 2018: 4.155 triệu đồng; Trả nợ khối lượng 2016 là: 4.100 triệu đồng; trả nợ khối lượng 2017 là: 8.356 triệu đồng;

- Công trình chuyển tiếp năm 2018: Giá trị đầu tư kế hoạch: 3.230 triệu đồng.

+ Lò nung phôi trung tần kích thước nung phôi từ 200-250mm: Giá trị gói thầu là 1.800 triệu đồng, Công ty đã tổ chức đấu thầu theo quy định, ký hợp đồng kinh tế và đã nghiệm thu đưa vào sử dụng trong tháng 9 năm 2019;

+ Công trình đầu tư đường thử xe ô tô Công ty năm 2018: Giá trị đầu tư kế hoạch là: 1.430 triệu đồng, giá trị thực hiện là 861 triệu đồng, Công trình đã nghiệm thu bàn giao tháng 12/2019.

- Công trình khởi công mới năm 2019: Giá trị đầu tư kế hoạch: 2.218 triệu đồng:

+ Xe ô tô bán tải: 01 xe, Giá trị đầu tư kế hoạch 918 triệu đồng, giá trị đầu tư thực hiện tháng 12/2019 là: 840.7 triệu đồng.

Công trình đầu tư thiết bị phục vụ chế tạo van và cột chống thủy lực dùng trong hầm lò: Máy đo độ nhám và biên dạng 01 máy, Giá trị đầu tư kế hoạch là: 1.300 triệu đồng, giá trị đầu tư thực hiện tháng 4/2019 là: 1.174 triệu đồng.

- **Kế hoạch năm 2018: Tổng mức đầu tư: 4.155 triệu đồng**

+ Hệ thống Tự động hóa dây chuyền SX con lăn băng tải: Giá trị đầu tư 3.200 triệu đồng;

+ Xe ô tô bán tải: Giá trị đầu tư 670 triệu đồng; Công ty đã thực hiện đầu tư theo quy định và đưa vào sử dụng trong tháng 6 năm 2019, giá trị thực hiện (không gồm thuế VAT) là: 623 triệu đồng;

+ Chuẩn bị dự án công trình bổ sung cho dây truyền lắp ráp xe: 285 triệu đồng;

- **Kế hoạch năm 2017 chuyển sang năm 2018: Tổng mức đầu tư: 8.356 triệu đồng;**

+ Đầu tư 02 máy tiện CNC: Giá trị đầu tư thực hiện là 4.080 triệu đồng /kế hoạch 5.600 triệu đồng, thiết bị đưa vào sử dụng tháng 6/2019;

+ Lò tôi cao tần: Giá trị đầu tư: 1.569,7 triệu đồng / kế hoạch 1.600 triệu đồng; Công ty thực hiện đầu tư mua sắm theo quy định: đấu thầu qua mạng, thiết bị được đưa vào sử dụng tháng 5/2019;

+ Máy tiện vạn năng tương đương máy tiện 16K20: 02 máy, Hiện nay Công ty đang thực hiện đầu tư các thiết bị ứng dụng tự động hóa, Công ty xem xét lại về hạng mục này.

- **Kế hoạch năm 2016 chuyển sang năm 2018: Máy mài cầu CNC: Giá trị đầu tư thực hiện là: 3.998 triệu đồng /kế hoạch 4.100 triệu đồng, thiết bị đưa vào sử dụng tháng 6/2019;**

- **Các thiết bị, XDCB khác: Tổng giá trị đầu tư là: 6.181 triệu đồng, cụ thể như sau:**

+ Cung cấp, lắp đặt hoàn thiện hệ thống đường chạy xe và di chuyển cho Bobot Số 2 và 02 bàn xoay cấp phối tự động, Tổng mức đầu tư là: 1.871 triệu đồng; Công ty đã thực hiện xong gói thầu: Cung cấp, lắp đặt hoàn thiện hệ thống đường chạy xe và di chuyển cho Bobot Số 2 với giá trị là 856 triệu đồng;

+ Công ty đã gia công chế tạo xong hiện 07 Bàn cấp phối tự động phục vụ cho việc cấp phối cho 2 hệ thống rô bốt của Công ty là: 986 triệu đồng;

+ Máy cưa kim loại: Giá trị đầu tư là 1.331 triệu đồng/máy; Máy hàn 03 máy: Giá trị đầu tư là: 313,5 triệu đồng; Các thiết bị này đưa vào sử dụng tháng 6/2019;

+ Cải tạo sân cầu lông công ty: Giá trị đầu tư thuê ngoài là: 741,3 triệu đồng, hoàn thành trong tháng 5/2019, Giá trị XDCB tự làm quyết toán tháng 10/2019 là: 1.116,6 triệu đồng;

+ Đầu tư 04 quạt trần công nghiệp: giá trị 490,5 triệu đồng, lắp đặt đưa vào sử dụng tháng 10/2019.

+ Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, thiết kế, lắp đặt máy sấy bát đĩa, quần áo: 115 tr.đồng.

+ Nâng cấp, Sửa chữa, thiết kế, lắp đặt hệ thống nồi nấu ăn, đun nước uống bát đĩa, quần áo: 156 triệu đồng.

***Nhận xét chung:**

- Năm 2019, Công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác đầu tư, Tổng giá trị đầu tư thiết bị đưa vào sử dụng là: 19.340 triệu đồng (không bao gồm thuế VAT), bao gồm cả khối lượng đầu tư năm 2019, trả nợ khối lượng các năm trước và khác.

- Các thiết bị Công ty đầu tư đã góp phần nâng cao năng lực thiết bị để đáp ứng nhu cầu chế tạo phụ tùng phục vụ trong và ngoài ngành than mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện chủ trương của Tập đoàn, do có định hướng, tầm nhìn và đầu tư đúng hướng, đến nay hàm lượng công nghệ trong sản xuất hàng chế tạo của Công ty đã thay đổi cơ bản. Công ty đã, đang và tiếp tục áp dụng khoa học công nghệ 4.0, áp dụng tự động hóa, tin học hóa trong dây truyền sản xuất để sản xuất các sản phẩm phục vụ trong và ngoài ngành.

B. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CƠ ĐIỆN-

1/ Công tác quản lý năng lượng:

- Đảm bảo hệ thống thiết bị năng lượng hoạt động tốt, phục vụ kịp thời cho sản xuất, Điện năng tiêu thụ bình quân 144.700kWh/tháng, cosφ trung bình 0,92. Thí nghiệm định kỳ trạm điện theo

đúng quy định. Đo tiếp địa đầy đủ đảm bảo an toàn ở 402 điểm đo toàn Công ty trong quý I/2019. Về thực hiện tiết kiệm năng lượng thay thế các đèn chiếu sáng công suất lớn bằng đèn LED; loại bỏ quạt công nghiệp cục bộ công suất lớn thay bằng quạt trần sai cánh lớn điều khiển biến tần, hạn chế các thiết bị có công suất lớn vào giờ cao điểm, loại bỏ dần một số thiết bị cũ, lạc hậu tiêu tốn nhiều năng lượng, hiệu suất thấp ...

- Hệ thống cấp nước đã loại bỏ hoàn toàn các đường ống cũ hỏng gây thất thoát nước và thay thế các đường ống mới đến các khu sản xuất theo đúng nhu cầu thực tế. Tận dụng tối đa nước mưa cho hệ thống rửa xe và phục vụ sản xuất, mức tiêu thụ nước cho sản xuất trung bình 670m³/tháng, giảm 5% so với năm 2018.

Sử dụng máy nén khí cục bộ phù hợp với nhu cầu của từng đơn vị, chủ động không ảnh hưởng đến hoạt động chung và có thể tiết giảm từng máy khi không cần thiết dùng.

2/ Công tác quản lý thiết bị công nghệ:

- Tổ chức sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất không để ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất, Quản lý thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đảm bảo 100% các thiết bị đang sử dụng kiểm định an toàn theo đúng quy định của Nhà nước.

- Triển khai các hạng mục cải tiến môi trường sản xuất theo tư vấn của chuyên gia Nhật cùng với Phòng KTCN và các đơn vị, phân xưởng. triển khai thực hiện 5S, sắp xếp bố trí sản xuất theo tiêu chuẩn JIS Nhật bản. Thực hiện di chuyển lắp đặt lại và sơn mới 22 thiết bị phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng công đoạn gia công,

- Tiếp tục phân loại, tháo dỡ loại bỏ 26 thiết bị cũ hư hỏng nặng, lạc hậu kỹ thuật để thanh xử lý, bố trí lắp đặt lại các thiết bị, quy hoạch lại mặt bằng sản xuất các khu vực theo yêu cầu công nghệ, đổi mới áp dụng KHCN, tự động hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Phối hợp phòng KTCN thực hiện đề tài nhiệm vụ khoa học: Thực hiện lắp đặt xong sản phẩm thuộc đề tài Thiết kế chế tạo Hệ thống xử lý khí thải độc khu vực mạ. Triển khai thực hiện đề tài thông gió làm mát không khí môi trường xưởng hàn PX Cơ khí và chuẩn bị cho các đề tài năm 2019, 2020

- Thực hiện kiểm định trạm kiểm tra xe lắp ráp. Tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa lại các thiết bị cơ bản hiện có trong dây chuyền lắp ráp xe Kamaz phục vụ lắp ráp 03 xe mẫu.

3/ Quản lý thiết bị công nghệ

- Thực hiện quy hoạch sắp xếp lại mặt bằng các công đoạn sản xuất tại phân xưởng Cơ khí, khu gia công chính xác CNC và phòng phân tích vật liệu kiểm tra chất lượng, khu nhiệt luyện thuộc phân xưởng Cơ khí; khu lắp điều chỉnh động cơ thuộc phân xưởng Động cơ & Thủy lực,... Đồng thời bố trí lắp đặt lại các thiết bị hợp lý, phù hợp theo yêu cầu quy hoạch lại.

- Phân loại, tháo dỡ các thiết bị cũ hỏng lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng (đưa vào niêm cất chờ làm thủ tục thanh lý) để sửa chữa cải tạo mặt bằng nhà xưởng phục vụ sản xuất.

- Lĩnh vực quản lý các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được quản lý theo đúng quy định. Lập kế hoạch và thực hiện kiểm định an toàn định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra xem xét sửa chữa thường xuyên đảm bảo thiết bị hoạt động tốt

- Về công tác sửa chữa thiết bị Công ty vẫn duy trì tổ chức sửa chữa máy móc thiết bị kịp thời không để ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất, đặc biệt là các thiết bị trọng yếu trong dây chuyền sản xuất.

- Công tác sửa chữa XDCB nhà xưởng được công ty quan tâm chú trọng, thực hiện sửa chữa chống dột mái nhà xưởng, gia cố hệ thống vì kèo, tôn tạo nền nhà xưởng sạch đẹp đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân. cải tạo sửa chữa quy hoạch kho chứa than rền, nhà kho Phân xưởng Cơ khí, nhà tắm công nhân, khu sân thể thao, cải tạo quy hoạch lại khu sản xuất đúc, sửa chữa toàn bộ nền sân công nghiệp xung quanh nhà xưởng.

4/ Áp dụng tin học hóa, tự động hóa

Giai đoạn 2015-2020 Công ty đã đẩy mạnh việc áp dụng tin học và tự động hóa phục vụ quản lý và sản xuất. Cụ thể:

- Về tin học Công ty đã đưa vào sử dụng mạng LAN tại Công ty, các máy tính đều có kết nối Internet và ứng dụng các phần mềm quản lý văn bản điện tử (Portal VMIC), kế toán thống

kê, quản lý vật tư, báo cáo Quản lý lao động, tiền lương, nhân sự, Bảo hiểm xã hội, kê khai bảo hiểm, kê khai thuế, ADIS công bố thông tin-Ủy ban chứng khoán, quản lý định vị xe ô tô và phần mềm kỹ thuật Test kiểm tra, cài đặt, sửa chữa các chủng loại xe ô tô HD, CAT, Vovol, Scania, kiểm tra xe lắp ráp mới trước khi xuất xưởng kiểm định.

- Về tự động hóa trong những năm qua Công ty đã đầu tư các thiết bị được trang bị hệ thống điều khiển tiên tiến, tự động hóa cao, công nghệ hiện đại vào phục vụ sản xuất nhằm tiết giảm chi phí nhân công, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao độ chính xác, chất lượng và tăng năng suất lao động như: Trung tâm khoan, ta ro CNC thế hệ mới, Máy quang phổ phân tích thành phần kim loại hiện đại, phần mềm phân tích tự động. Máy đo độ cứng ứng dụng công nghệ số; hệ thống cấp phôi tự động cho máy mài CNC; Thiết bị thử kim phun điện tử phục vụ cho công tác sửa chữa động cơ. Trung tâm gia công đứng CNC 4 trục với hệ điều hành tiên tiến và hệ thống thay dao tự động 24 trạm. Hệ thống Robot thay thế con người vận hành các máy công cụ CNC theo tiêu chuẩn công nghệ 4.0. Máy tiện CNC tích hợp một số tính năng gia công kết hợp để tăng cường năng lực sản xuất gia công các sản phẩm chính xác, thực hiện một số nguyên công trên một lần gá. Đồng thời sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư hệ thống tự động hóa dây chuyền sản xuất con lăn băng tải, nâng cấp dây chuyền bán tự động hiện nay thành dây chuyền tự động hoàn chỉnh liên hoàn từ công đoạn cắt ống đến công đoạn cuối.

Nói chung, công tác cơ điện cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD, vận hành, sử dụng thiết bị và hệ thống năng lượng đảm bảo, không để xảy ra các sự cố hư hỏng lớn. Hệ thống thiết bị năng lượng và lưới điện của Công ty được tổ chức khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả.

5/ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ Sở hữu:

a/ Cổ phần: Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Số cổ phiếu đăng ký phát hành: 2 700 000

Trong đó: Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000

Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000

Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 2.160.000.000 đồng

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam

+ Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz)

+ Vốn góp các cổ đông khác

Cộng

Cuối năm

31/12/2019

Đầu năm

01/01/2019

9.722.270.000

9.722.270.000

10.163.000.000

10.163.000.000

7.114.730.000

7.114.730.000

27.000.000.000

27.000.000.000

b/ Cơ cấu cổ đông:

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

Tỷ lệ

+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam

36,01 %

+ Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz)

37,64 %

+ Vốn góp các cổ đông khác

26,35 %

Cộng

100 %

- Giao dịch thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có

- Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

- Các chứng khoán khác : Không có

6/ Báo cáo tác động đến môi trường :

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu :

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm :



(Handwritten signature)

+ Tồn kho (nguyên vật liệu, công cụ) đầu kỳ 1/1/2019:	4.570 triệu đồng
+ Nhập trong kỳ:	352.135 triệu đồng
+ Xuất trong kỳ:	348.925 triệu đồng
+ Tồn cuối kỳ 31/12/2018:	3.209 triệu đồng

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất và dịch vụ nhỏ vì công ty là đơn vị sửa chữa và chế tạo phục hồi, sau khi đánh giá định kỹ thuật bước II thống nhất với khách hàng xong vật tư cũ là khách hàng lập biên bản thu hồi trả hàng cũ ngay ; còn vật tư mới công ty có đơn hàng đến đầu mua dùng đúng đến đó không để tồn kho.

6.2. Tiêu thụ năng lượng :

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : Chủ yếu là Điện năng sử dụng là 1.705.961 Kw ; chi phí sử dụng năng lượng trong năm 3.400.031.073 đồng;

b. Năng lượng công ty tiết kiệm được :

Công ty ban hành nhiều quy định về sử dụng tiết kiệm điện, nếu cá nhân vi phạm xử lý;

7. Tiêu thụ nước hàng năm công ty sử dụng : 8.287 M3/năm, với giá trị 131.447.680 đồng ; Công ty được TKV giao Công ty TNHH Môi trường – TKV đầu tư đặt 01 trạm xử lý nước thải thu gom nước bề mặt tại công ty. Nên công tác xử lý nước thải công ty thực hiện tốt.

8. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :

a. số lần bị xử phạt do vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường : Không

b. Tổng số tiền phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường : Không

9. Chính sách liên quan người lao động :

a. Lao động có mặt đến 31/12/2019 là 366 người (Hợp đồng chính thức: 326 người, còn lại HĐ công việc, tập nghề, thử việc); lao động bình quân trong kỳ: 368 người; mức lương bình quân 11.323.000 đồng/ người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

- Chế độ làm việc :

+ Thời gian làm việc 8h/ ngày; 6/ ngày / tuần ; nghỉ trưa 60 phút

+ Nghỉ lễ, phép, tết, ốm đau, thai sản : Theo quy định của Pháp Luật

+ Điều kiện làm việc : CBCNV được trang bị bảo hộ lao động theo từng đặc thù ngành nghề làm việc và trang bị dụng cụ đầy đủ ; nhà xưởng sạch sẽ ; nước uống theo mùa đầy đủ ; các vật tư nặng có cầu trục nâng trong quá trình làm việc ; Công nhân đến công ty làm việc mặc quần áo sạch sẽ và thay bảo hộ lao động sau giờ làm việc xong quần áo được giặt giữ quần áo miễn phí .

- Chính sách lương và phúc lợi :

+ Chính sách lương và thưởng: Công ty căn cứ quy chế lương của cấp trên và các quy định của Nhà Nước ban hành quy chế tiền lương đối công ty ; Công ty trả lương theo vị trí việc làm; vị trí công việc làm, để khuyến khích lương nhưng cá nhân có trình độ, nghiệp vụ và tay nghề giỏi.

+ Bảo hiểm xã hội, phúc lợi: Công ty trích nộp bảo hiểm XH, BHYT.. tuân thủ đúng quy định ; không để nợ đọng bảo hiểm và công khai hàng tháng đến người lao động của công ty.

+ Chính sách người lao động: Công ty luôn xác định nhân tố con người là quan trọng nhất quyết định sự phát triển của công ty; Do vậy công ty triển khai: Đối gián tiếp mỗi vị trí làm việc và công việc thực hiện trả lương đối từng cá nhân một mức lương khác nhau ; Đối công nhân sản xuất trực tiếp công ty tổ chức bình xét chất lượng mỗi công nhân một hệ số cụ thể để trả lương theo vị trí và trình độ thực tế ;

Hàng năm công ty liên kết các trường cử đi học tập, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ ; công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch ; tạo môi trường làm việc để mỗi công nhân cán bộ phát huy năng lực bản thân và đóng góp sự phát triển công ty

10. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với địa phương đối công động:

Công ty tham gia các cụm an toàn địa bàn trên nơi công ty đặt trụ sở ; phối hợp 02 đơn vị bộ đội và cơ quan quản lý Nhà nước phối hợp công tác Bảo vệ an ninh trật tự, an toàn doanh nghiệp; hàng năm đóng góp đầy đủ các quỹ theo quy định của pháp luật: Quỹ phòng chống thiên

tại (TP Cẩm Phả); công ty chăm sóc 01 cá nhân bộ đội chất độc màu da cam; định kỳ thăm hỏi các tổ chức hội tàn tật, hội người mù, trung tâm bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ninh

III. Báo cáo đánh giá ban giám đốc :

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2019	KHĐC Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ TH/KHĐC (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/5x100
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	293 000	345 000	404.472	117
2	Tiền lương B/Q	1000đ/ng-th	8.339	10.213	11.323	111
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	5 250	5 300	5.538	104
4	Lao động bình quân	Người	372	368	368	100

2/ Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán theo qui định của Pháp luật. Công ty đã đăng tải Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán trên trang Website của Công ty (vmicauto.vn). Công ty gửi Báo cáo tài chính đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đúng kỳ hạn.

Phần thứ nhất:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/1/2019)
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		128.291.741.137	118.195.995.680
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	3.228.949.172	1.789.699.283
1. Tiền	111		3.228.949.172	1.789.699.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.2a	0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	VI.2a	0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2b	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.655.294.314	104.442.040.736
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a,c	112.696.571.220	103.884.879.060
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	528.829.900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	207.323.094	493.665.326
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.4a	(248.600.000)	(465.333.550)
8. tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5	0	0
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	11.930.032.133	11.917.351.377
1. Hàng tồn kho	141		11.930.032.133	11.917.351.377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		477.465.518	46.904.284
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	477.465.518	8.643.996
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0

3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	VI.19	0	38.260.288
4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a	0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		43.465.528.026	31.663.500.685
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3bc	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	VI.4b	0	0
II. Tài sản cố định	220		42.066.769.586	31.276.621.327
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	42.066.769.586	31.276.621.327
- Nguyên giá	222		137.767.497.859	118.479.497.144
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(95.700.728.273)	(87.202.875.817)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	0	0
- Nguyên giá	228		371.520.000	371.520.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(371.520.000)	(371.520.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8a	0	76.801.800
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	76.801.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.398.758.440	310.077.558
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	1.398.758.440	310.077.558
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24a	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14b	0	0
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		171.757.269.163	149.859.496.365

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/1/2019)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		132.490.545.464	111.179.904.837
I. Nợ ngắn hạn	310		131.224.805.464	109.169.726.419
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16acd	97.627.877.661	80.382.158.986
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		377.246.070	135.753.737

leel

3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.19	4.501.386.021	274.406.177
4. Phải trả người lao động	314		14.948.960.620	18.346.248.146
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.20	109.712.500	67.260.423
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.22ac	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.21	92.059.138	64.969.250
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15acd	0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23a	9.984.728.869	7.025.937.919
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.582.834.585	2.872.991.781
13. Quỹ bình ổn giá	323			0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		1.265.740.000	2.010.178.418
1. Phải trả người bán dài hạn	331	VI.16bcd	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.20	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.22bc	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.21	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	VI.17	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	VI.22	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24b	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23b	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.265.740.000	2.010.178.418
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		39.266.723.699	38.679.591.528
I. Vốn chủ sở hữu	410		34.719.723.699	34.657.591.528
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.25a	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	VI.25a	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	VI.25a	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	VI.25a	0	733.418.350
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	VI.25d	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	VI.25a	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	VI.25a	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e	3.392.444.831	2.659.026.481
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	4.327.278.868	4.265.146.697
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	4.265.146.697
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.327.278.868	0
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.547.000.000	4.022.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	VI.28	4.547.000.000	4.022.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300+400)	440		171.757.269.163	149.859.496.365

Phần thứ hai:
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	160.739.637.522	145.601.383.774	404.309.808.646	348.256.632.884
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		160.739.637.522	145.601.383.774	404.309.808.646	348.256.632.884
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	146.701.473.410	133.885.529.636	369.270.225.880	318.543.913.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.038.164.112	11.715.854.138	35.039.582.766	29.712.719.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	4.372.423	2.983.050	9.610.879	7.388.206
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	58.311.830	70.881.282	499.277.405	410.049.832
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>58.311.830</i>	<i>70.881.282</i>	<i>499.277.405</i>	<i>410.049.832</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8a	3.936.908.878	2.509.798.166	5.196.474.205	3.809.688.419
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8b	8.312.001.175	7.841.910.690	23.649.679.454	20.349.059.252
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.735.314.652	1.296.247.050	5.703.762.581	5.151.309.774
11. Thu nhập khác	31	VII.6	34.289.000	32.819.786	152.659.220	370.229.654
12. Chi phí khác	32	VII.7	280.147.131	67.702.542	318.078.389	128.684.180
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-245.858.131	-34.882.756	-165.419.169	241.545.474
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.489.456.521	1.261.364.294	5.538.343.412	5.392.855.248
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	401.287.166	301.410.360	1.211.064.544	1.127.708.551
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	VII.11	1.088.169.355	959.953.934	4.327.278.868	4.265.146.697
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		403	356	1.603	1.580
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

III/ Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tiếp tục được sự hỗ trợ của Tập đoàn, sự quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra; cụ thể:

- Sản xuất đảm bảo an toàn; Việc làm cho người lao động ổn định; Tiền lương, thu nhập cho người lao động đảm bảo đạt và vượt mức kế hoạch được giao.

- Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp. Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.

*. Kết quả thực hiện việc giám sát bảo toàn vốn và phát triển vốn.

- Một số chỉ tiêu đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

(Chữ ký)

TT	CHỈ TIÊU	Năm nay (31/12/2019) (tr.đồng)	Năm trước (31/12/2018) (Tr.đồng)
A	B	1	2
1	Khả năng thanh toán		
1.1	Khả năng thanh toán hiện hành (TTS/TNPT) (lần)	1,29	1,35
1.2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH) (lần)	0,98	1,08
1.3	Khả năng thanh toán nhanh	0,025	0,016
2	Bố trí Cơ cấu nguồn vốn		
2.1	Nợ phải trả / tổng nguồn vốn (%)	77,14	74,19
2.2	Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn (%)	22,86	25,81
3	Bố trí Cơ cấu tài sản		
2.1	TS ngắn hạn / tổng tài sản (%)	74,69	78,87
2.2	TS dài hạn/ Tổng tài sản (%)	25,31	21,13
3	Tỷ suất về khả năng sinh lời		
3.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (%)	0,03	0,03
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng Doanh thu thuần (%)	0,011	0,012
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư chủ sở hữu (%)	16,03	15,60

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Quản trị kinh doanh của công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động có nề nếp, chất lượng sản phẩm ổn định hơn.

+ Năm 2019 so năm 2018 Công ty sắp xếp giảm 01 Phân xưởng (5 phòng còn 04 phòng) Sắp xếp tinh giảm bộ máy, có kế hoạch thu hút nhân tài, công nhân kỹ thuật để phát triển Doanh nghiệp;

+ Trong năm hiệu chỉnh, bổ sung ban hành 10 quy chế quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

+ Rà soát ban hành các định mức vật tư, kinh tế kỹ thuật và tăng cường kiểm tra kiểm soát, xiết chặt công tác tổ chức, công tác điều hành quản lý chung và công tác điều hành quản lý trực tiếp tại phân xưởng và các phòng ban nghiệp vụ.

+ Thường xuyên kiện, rà soát lại toàn công tác quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư đổi mới, áp dụng, khoa học công nghệ hiện đại vào SXKD của Công ty

- Đầu tư đổi mới theo chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm: Đầu tư các máy CNC, xây dựng đồ gá, trang bị mới các máy gia công cắt gọt, chế tạo cơ khí; sắp xếp đổi mới lại dây chuyền công nghệ; Có chính sách thu hút lao động có trình độ kỹ thuật nghiệp vụ chất lượng cao, công nhân tay nghề giỏi, kỹ sư trẻ

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặc biệt phục vụ khai thác mỏ Hàm lò; triển khai sản xuất các sản phẩm đã xong từ nghiên cứu đề tài thành sản phẩm tiêu thụ kinh doanh ban hàng loạt ;

- Phối hợp các Viên nghiên cứu lựa chọn hiệu quả, đầu tư đổi mới công nghệ phát triển thêm sản phẩm mới. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực để ổn định sản xuất lâu dài của Công ty. Thường xuyên rà soát kiểm tra các hoạt động quản lý ;

- Hợp tác phối hợp thuê thiết bị, phối hợp gia công cơ khí;

- Xây dựng thương hiệu uy tín của công ty theo ngành nghề đã được cấp phép kinh doanh, tập trung làm thật tốt các sản phẩm là thế mạnh của công ty, phát triển các sản phẩm mới.

3. Kiểm toán độc lập.

- Đơn vị kiểm toán độc lập.

+ Tên công ty kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

+ Trụ sở chính: tầng 10 và 12 – Tòa nhà Hapulico – Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội – Việt Nam

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và ban giám đốc
Công ty cổ phần công nghiệp Ô tô – Vinacomin

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin được lập ngày 11 tháng 03 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô – Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin được lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến mục 7.3 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2019, tài sản ngắn hạn của Công ty là 128.291.741.137 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là: 131.224.805.464 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 2.933.064.317 đồng. Ban giám đốc công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra và bố trí đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác khi đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.
Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam

IV Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty.

1. Đánh giá hoạt động HĐQT về hoạt động công ty:

Hoạt động của HĐQT công ty cổ phần công nghiệp Ô tô - Vinacomin đã tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ của Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành kịp thời, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành SXKD của Công ty năm 2019 đạt kết quả.

Trong năm Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty có nhiều biện pháp trong chỉ đạo, điều hành, chỉ đạo quyết liệt, chủ động bên cạnh đó khuyến khích động viên tập thể người lao động nỗ lực để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao; Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác công ty vẫn cố gắng tập trung cao độ chỉ đạo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá hoạt động HĐQT về hoạt động ban giám đốc:

Trong năm HĐQT họp 08 phiên; Ban điều hành đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc điều hành công ty theo Điều lệ Công ty quy định. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty có nhiều nỗ lực, đưa nhiều biện pháp để hoàn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao. Năm 2019 có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh công ty nhất là 6 tháng đầu năm /2019 nhưng Quý III và Quý IV Công ty bứt phá hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu SXKD Công ty năm 2019

Giám đốc điều hành và ban lãnh đạo công ty đã chủ động làm việc với từng đơn vị trong kế hoạch phối hợp của Tập đoàn 2019, rà soát lại kế hoạch, cân đối công việc, chủ động nhân công việc mới tại các nhà máy nhiệt điện, phát triển thêm sản phẩm phục vụ cho khai thác Hàm lò, nghiên cứu chế tạo phát triển sản phẩm mới; từng bước tạo nền móng phát triển công việc cho các năm sau. Giám đốc điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, một cách khẩn trương và nghiêm túc, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý có hiệu quả trong quá trình điều hành sản xuất. Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo. Chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn, tài sản, an toàn trong sản xuất, an ninh doanh nghiệp, đồng thời báo cáo kịp thời các biến động trong quá trình kinh doanh trình HĐQT.

Thực hiện Chỉ thị liên tịch số: 102 của Tập đoàn. Công ty đã sắp xếp giảm thêm 01 phân xưởng so quy định của Tập đoàn đối công ty là còn 05 Phòng và 04 phân xưởng, 01 chi nhánh, bộ máy quản lý tinh gọn hơn, công ty các định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, vật liệu phụ, các chi phí, ban hành các quy định, quy trình trong quản lý. Cán bộ quản lý của công ty được HĐQT bổ nhiệm, phân cấp cho Giám đốc công ty phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc nhiệm vụ giám đốc giao, chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng thực hiện nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh, đảm bảo yêu cầu đề ra. Trong năm qua các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Kế hoạch định hướng của HĐQT Công ty năm 2020

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2019, để đáp ứng tình hình hoạt động, phù hợp với yêu cầu thực tế, HĐQT Công ty xây dựng phương hướng nhiệm vụ và một số giải pháp chỉ đạo Ban điều hành trong năm 2020 như sau:

1. Tăng cường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị trong qua trình SXKD; Kiện toàn lực lượng làm công tác an toàn. Rà soát hiệu chỉnh lại các hồ sơ, các tài liệu, quy trình, quy định về công tác an toàn lao động; Huấn luyện đào tạo công tác an toàn theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục rà, sắp xếp soát hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất, cơ cấu lao động tinh gọn cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất từng giai đoạn. Có kế hoạch tuyển dụng bổ sung đội ngũ lao động gồm kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chất lượng cao các nghề: Tiện, phay, bào, xọc, máy gia công CNC...; Thợ sửa chữa thiết bị khai thác, sửa chữa ô tô mô; Ưu tiên tuyển dụng công nhân kỹ thuật, kỹ sư trẻ mới ra trường.

3. Tăng cường hợp tác, liên kết với các trường, viện nghiên cứu để nâng cao năng lực sản xuất. Hợp tác, liên doanh với các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển sản phẩm mới nhằm mở rộng thị trường, tạo điều kiện thuận lợi, ổn định SXKD cho Công ty khi trước mắt và lâu dài.

4. Rà soát các văn bản, quy chế, quy định, chỉ thị, hướng dẫn mới của Nhà nước, của Tập đoàn TKV kịp thời sửa đổi và bổ sung ban hành các quy chế, quy định quản lý theo đúng quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Bám sát kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Từng tháng, quý tập trung chỉ đạo điều hành sản xuất.

6. Thực hiện công tác quản trị SXKD phù hợp với thị trường, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020. Hoạt động SXKD đảm bảo hiệu quả, đạt lợi nhuận theo kế hoạch và bảo toàn vốn cho các cổ đông.

7. Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty, nhu cầu của thị trường, tiếp tục xem xét các hạng mục đầu tư máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ. Mục tiêu chỉ đầu tư những thiết bị thật cần thiết, chắc chắn mang lại hiệu quả khi đầu tư để triển khai phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty. Sử dụng nguồn vốn có hiệu quả. Trước mắt tập trung đầu tư các mục đã được HĐQT thông qua và được Tập đoàn TKV phê duyệt.

8. Thực hiện tốt công tác Công tác quân sự quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự doanh nghiệp, bảo vệ tài sản Công ty. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị; Không để xảy ra sự cố cháy nổ, TNLD nghiêm trọng.

9. Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, các tổ chức chính trị tạo sự đồng thuận, đoàn kết thống nhất nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp vì sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

V/ Quản trị Công ty

1/ Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Xuân Phi : Chủ tịch HĐQT - Giám đốc điều hành

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 13.334 cổ phần = 0,49%

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 972.227 cổ phần.

2. Ông Hà Minh Thanh: Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc, CTCĐ Công ty.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1.061 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3. Ông Nguyễn Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT .

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

4. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch : Ủy viên HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn hãng Kamaz: 1.016.300 cổ phần = 37,64%

5. Ông Trần Văn Trung: Ủy viên HĐQT - Công ty CP Tân đại tây dương (AIT)

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó :

- Sở hữu cá nhân: 390.434 cổ phần = 14,46 %
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần.

*** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT
2. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch : Ủy viên HĐQT

*** Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

+ Thực hiện nghị quyết Đại hội, Hội đồng quản trị đã họp triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết thường kỳ trong năm trên cơ sở cụ thể hoá nhiệm vụ năm kế hoạch. Ban hành 08 Nghị quyết, ra các quyết định phục vụ sản xuất của công ty.

+ HĐQT hàng quý giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm cho Ban Giám đốc, cùng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng, phân xưởng.

+ Đình kỳ hàng quý họp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

2/ Ban Kiểm soát

1. Bà: Bùi Thị Lan: Trưởng ban kiểm soát.

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

- + Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 82 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: (TKV giới thiệu đại diện)

2. Ông Trần Thiết Hùng: Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

- + Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 91.355 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3. Ông Hồ Anh Tuấn: Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

- + Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không (Đại diện Cty CP Ngoại thương Kamaz)

***/ Hoạt động của BKS.**

1/ Ban kiểm soát

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Số buổi họp
2	Bùi Thị Lan	Trưởng ban	1.254	06/06
3	Trần Thiết Hùng	Ủy viên	91.355	06/06
4	Hồ Anh Tuấn (Đại diện Kamaz)	Ủy viên	0	06/06

Hoạt động của ban kiểm soát:

Năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn về Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban lãnh đạo điều hành trong công việc quản lý và điều hành Công ty:

- Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và trình Chủ tịch HĐQT thông qua, phân công nhiệm vụ cho các thành viên của BKS, để làm cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong việc kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ, góp phần tăng cường công tác giám sát, phát hiện vi phạm, cảnh báo, kiến nghị xử lý và phòng ngừa rủi ro.

- Trong năm Ban kiểm soát họp 06 phiên 100% (3/3) thành viên tham dự ghi biên bản họp theo quy định.

- Năm 2019, BKS đã triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

+ Thường xuyên giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty ban hành.

+ Định kỳ thẩm định báo cáo tài chính từng quý và năm 2019 ; kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính.

+ Đề xuất Đại hội cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính.

+ Rà soát các quy chế.

+ Thực hiện kiểm tra giám sát theo các chuyên đề: Chuyên đề về chứng từ thu, chi tiền mặt và chứng từ ngân hàng; Chuyên đề mua sắm tài sản; Chuyên đề kiểm tra chia lương của các phân xưởng: 02 phân xưởng và 01 đội công trình; Chuyên đề hồ sơ mua sắm vật tư.

Trên cơ sở kết quả kiểm soát các hoạt động nêu trên BKS thấy: Công ty điều hành hoạt động kinh doanh tuân thủ theo đúng pháp luật, không có sai sót trọng yếu.

Thông qua việc giám sát , Ban kiểm soát có các ý kiến đề xuất, kiến nghị, cảnh báo góp phần giúp Công ty có chỉ đạo kịp thời trong quản lý, điều hành hoạt động, đảm bảo đạt hiệu quả và hạn chế rủi ro. Đánh giá chung năm 2019 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2019 BKS đó thực hiện tốt chức năng của mình, như: giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

c/ Thu lao BKS

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin ngày 24/4/2018, Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên BKS chuyên trách và kiêm nhiệm năm 2018 như sau:

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Tiền lương 20.700.000 đồng/tháng.

- Ủy viên Ban kiểm soát mức phụ cấp trách nhiệm kiêm nhiệm: 20.700.000 đồng/tháng x 20% = 4.140.000 đồng/tháng.

- Thù lao trả phụ cấp cho từng thành viên ban kiểm soát do Đại hội đồng quyết định hàng năm và số tiền chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên ban kiểm soát: 99.360.000; Lương chuyên trách Trưởng ban kiểm soát: 248.400.000 đồng; tiền lương và thù lao đều được công bố trước Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Ngoài ra theo quy định của pháp luật Việt Nam tiền lương theo quy định trên, Trưởng Ban kiểm soát được hưởng thêm phần tiền lương theo đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của Công ty và viên chức quản lý năm 2019 có Quyết định đánh giá và phê chuẩn của Tập đoàn TKV và khoản tiền tại quỹ thưởng ban quản lý điều hành khi ĐHCĐ năm 2020 thông qua phân phối lợi nhuận năm 2019.

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Cổ đông góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam: 36.01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

2.2 Cổ đông sáng lập:

a/ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam:

Số cổ phần: 972 227 = 36,01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5700100256 cấp ngày 19/2/1994

Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Nguyễn Chiến Thắng

b/ Công ty cổ phần kín “Công ty ngoại thương Kamaz:

Số cổ phần: 1 016 300 = 37,64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznuri, Tatarstan, Liên bang Nga

c/ Cổ đông cá nhân

Ông Mai Huy Quỳnh:

Số cổ phần: 1 340 = 0.05%

Số CMND: 013345445 cấp ngày 11/9/2010 do Công an TP Hà Nội cấp

Trú quán: Phú diễn – Từ Liêm - TP Hà Nội.

2.3 Cổ đông vốn góp nước ngoài

+ Công ty cổ phần kín “Công ty ngoại thương Kamaz”:

Số cổ phần: 1 016 300 = 37,64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznuri, Tatarstan, Liên bang Nga

Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Tsyganov vasily Vitalievich

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Ô tô – Vinacomin ; xin được trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cùng toàn thể quý vị cổ đông Công ty.

Trân trọng./

Nơi nhận :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VP, HĐQT,
- Đăng trên Website Công ty (<http://vmicauto.vn>).



Phạm Xuân Phi